TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẦU NGANG** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2024/DS-ST.
Ngày 13/3/2024.
"V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU NGANG TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Trần Thị Phương Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Văn Mên;

Ông Nguyễn Hoàng Nam.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Đầy là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên toà: Ông Lý Phước Bền – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 168/2023/TLST-DS, ngày 21 tháng 4 năm 2023, về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 67/2024/QĐXXST-DS, ngày 23 tháng 02 năm 2024 và thông báo dời thời gian mở phiên tòa số: 01/TB-TA, ngày 26 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị H, sinh năm 1960. Địa chỉ: Ấp Chà V, xã Vinh K, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh. Có mặt

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Phạm Thị H: Ông Nguyễn Vĩnh B là Luật sư thuộc đoàn Luật sư tỉnh Trà Vinh. Có mặt

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Tr, sinh năm 1956. Địa chỉ: Số 285/6 Võ Văn T, P5, Q3, thành phố Hồ Chí Minh. Có mặt

- Ông Nguyễn Hữu Đ, sinh năm 1959. Địa chỉ: Số 224/73/14 Nguyễn Thiện Th, P3, Q3, thành phố Hồ Chí Minh.

(Ông Nguyễn Hữu Đ ủy quyền cho bà Nguyễn Thị Tr, sinh năm 1956. Địa chỉ: Số 285/6 Võ Văn T, P5, Q3, thành phố Hồ Chí Minh theo văn bản ủy quyền đề ngày 02/6/2023) Có mặt

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Anh Trần Ngọc H, sinh năm 1989;

- Anh Trần Hoàng X, sinh năm 1996;

Cùng địa chỉ: Ấp Chà V, xã Vinh K, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

(Anh Trần Ngọc H và anh Trần Hoàng X ủy quyền cho bà Phạm Thị H, sinh năm 1960. Địa chỉ: Ấp Chà V, xã Vinh K, huyện cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh theo văn bản ủy quyền đề ngày 15/02/2024 và ngày 07/3/2024)

- Ông Lê Thành D, sinh năm 1960. Địa chỉ: Số 285/6 Võ Văn T, P 5, Q3, thành phố Hồ Chí Minh. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Phạm Thị H trình bày: Nguồn gốc thửa 210, tờ bản đồ số 14, diện tích 365m^2 là của chồng bà tên Trần Văn H (đã chết năm 2022) đứng tên quyền sử dụng đất. Cha, mẹ ông H đều đã chết, bà là vợ của ông Trần Văn H, bà và ông H có hai người con tên Trần Ngọc H và Trần Hoàng X. Phần đất của gia đình bà giáp ranh với thửa 36, tờ bản đồ số 14 của ông Nguyễn Văn T (đã chết). Trước đây, vào khoảng năm 1995 do hoàn cảnh gia đình bà khó khăn nên không có trực tiếp quản lý thửa 210 nên ông T mướn người chặt cây để xây dựng hàng rào, khi đó gia đình bà có ngăn cản và báo chính quyền địa phương thì địa phương trả lời khi nào có bằng khoán thì giải quyết. Đến năm 2005 thì gia đình bà tiếp tục báo chính quyền địa phương thì ông T hứa khi nào hàng rào lưới B40 rỉ sét thì sẽ tháo dở để trả lại đất cho gia đình bà. Sau đó ông T chết thì bà Tr và ông Đ đứng tên quyền sử dụng đất thửa 36 thì bà có yêu cầu ông Đ và bà Tr di dời hàng rào trả lại đất cho bà nhưng ông Đ và bà Tr không đồng ý nên phát sinh tranh chấp. Trước đây, bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị Tr và ông Nguyễn Hữu Đ phải trả lại phần đất lấn chiếm chiều ngang mặt trước giáp kinh là 1,5m, chiều ngang phía sau là 2m, chiều dài 33m, diện tích 57,75m^2 thuộc thửa 210, tờ bản đồ số 14, nằm trong tổng diện tích 365m^2. Qua khảo sát, đo đạc thì bà thống nhất theo kết quả khảo sát, đo đạc là yêu cầu bà Nguyễn Thị Tr và ông Nguyễn Hữu Đ cùng ông Lê Thành D phải trả lại phần đất lấn chiếm diện tích 53,5m^2 thuộc thửa 210, tờ bản đồ số 14, nằm trong tổng diện tích 365m^2 và yêu cầu bà Tr, ông Đ di dời hàng rào lưới B40 ra khỏi phần đất tranh chấp. Thửa đất 210 bà không có thế chấp cho Ngân hàng. Ngoài ra, bà không yêu cầu gì khác.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn bà Nguyễn Thị Tr, đồng thời bà Trử là người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Hữu Đ trình bày:

Nguồn gốc thửa 36, tờ bản đồ 14, diện tích 1.035m^2 là của anh bà tên Nguyễn Văn T (chết năm 2015) để lại cho bà và ông Nguyễn Hữu Đ đứng tên quyền sử dụng đất. Phần đất trên giáp ranh với thửa đất của bà Hà, quá trình sử dụng đến khoảng năm 2006, ông T xây dựng hàng rào thì gia đình bà H có ngăn cản và được chính quyền địa phương giải quyết, giữa hai bên thống nhất ranh đất và anh bà đã xây dựng hàng rào ổn định từ năm 2006 cho đến nay. Nay bà H khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Tr và ông Nguyễn Hữu Đ cùng ông Lê Thành D phải trả lại phần đất lấn chiếm diện tích 53,5m^2 thuộc thửa 210, tờ bản đồ số

14 và yêu cầu di dời hàng rào lưới B40 thì bà không đồng ý do bà không có lấn đất của bà H. Theo như kết quả đo đạc do Tòa án cung cấp cho bà và bà H nhận thì gia đình bà không có lấn đất của bà H, diện tích đất của bà còn giảm so với diện tích đất được cấp nhưng bà vẫn thống nhất với kết quả khảo sát, đo đạc. Thửa 36, tờ bản đồ 14 hiện tại do bà và chồng bà là ông Lê Thành D quản lý, sử dụng ngoài ra không còn ai, thửa 36 bà không có thế chấp cho Ngân hàng. Ngoài ra, bà không có yêu cầu gì khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Trần Ngọc H và anh Trần Hoàng X ủy quyền cho bà Phạm Thị H có lời trình bày: Bà thống nhất theo lời trình bày trên của bà, không có ý kiến bổ sung gì.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Thành D trình bày: Ông thống nhất theo lời trình bày trên của bà Tr, không có ý kiến bổ sung gì.

Những tình tiết các bên đương sự thống nhất với nhau:

- Thửa 210, tờ bản đồ số 14, diện tích 365m^2 do hộ ông Trần Văn Hđứng tên quyền sử dụng đất.

- Thửa 36, tờ bản đồ 14, diện tích 1.035m^2 do ông Nguyễn Hữu Đ và bà Nguyễn Thị Tr đứng tên quyền sử dụng đất.

Những tình tiết các bên đương sự không thống nhất nhau:

- Nguyên đơn bà Phạm Thị H: Yêu cầu bà Nguyễn Thị Tr và ông Nguyễn Hữu Đ cùng ông Lê Thành D phải trả lại phần đất lấn chiếm diện tích 53,5m^2 thuộc thửa 210, tờ bản đồ số 14, nằm trong tổng diện tích 365m^2 và yêu cầu bà Tr, ông Đ di dời hàng rào lưới B40 ra khỏi phần đất tranh chấp.

- Bị đơn bà Nguyễn Thị Tr, đồng thời bà Trử là người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Hữu Đ ý kiến: Không đồng ý trả lại phần đất diện tích 53,5m^2 và di dời hàng rào lưới B40 theo yêu cầu của bà H.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn ông Nguyễn Vĩnh B trình bày: Trên phần đất tranh chấp có các cây trồng, thể hiện được trồng nhiều năm khi gia đình ông T xây dựng hàng rào thì bà Hà có ngăn cản nhưng không được giải quyết. Kết quả khảo sát đo đạc không thể hiện diện tích bà H bị mất nhưng người dân địa phương xác định diện tích bà H bị mất thể hiện kết quả khảo sát đo đạc không chính xác. Căn cứ vào các số liệu thể hiện diện tích bà Hà bị mất là 57,75m^2. Căn cứ Điều 26, 35, 202 và Điều 203 Luật đất đai năm 2013 đề nghị xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H về việc buộc bà Nguyễn Thị Tr, ông Nguyễn Hữu Đ và ông Lê Thành D di dời hàng rào lưới B40 trả lại phần đất lấn chiếm là 57,75m^2.

Lời phát biểu của Kiểm sát viên:

- *Về việc tuân theo pháp luật*: Thủ tục thụ lý hồ sơ vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định người tham gia tố tụng, thành phần tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm đều đúng quy định pháp luật. Các văn bản tố tụng từ khi nhận đơn khởi kiện đến khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử đều tống đạt đầy đủ cho đương sự nhận. Từ khi thụ lý vụ án, đến khi xét xử nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng. Một số người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chưa

thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về quan điểm giải quyết vụ án*: Căn cứ vào các Điều 147, 157, 165 BLTTDS 2015; Điều 158, 164, 166, 175 BLDS 2015 và Điều 95, 100, 166, 170, 202, 203 Luật đất đai năm 2013 đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bà Nguyễn Thị Tr và ông Nguyễn Hữu Đ cùng ông Lê Thành D phải trả lại phần đất diện tích 53,5m^2 thuộc thửa 36, tờ bản đồ số 14, diện tích 1.035m^2 và yêu cầu bà Tr, ông Đ và ông D di dời hàng rào lưới B40.

- *Về án phí dân sự sơ thẩm:* Bà Phạm Thị H là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí. Căn cứ vào Điều 12 của Nghị quyết số: 326 /2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đề nghị Hội đồng xét xử miễn án phí cho nguyên đơn.

- *Về chi phí thẩm định, định giá:* Buộc nguyên đơn phải chịu toàn bộ chi phí thẩm định và định giá theo quy định.

- *Phần kiến nghị:* Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét thấy nguồn gốc thửa 208 là của ông Trần Văn H nhận tặng cho từ cha vợ. Thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu năm 2005, hộ ông H không có thành viên là chị Kim Thị Sô Ph (chị Ph là con dâu của ông H). Năm 2018, hộ ông H làm thủ tục tách thửa 208 thành thửa 209 và thửa 210. Năm 2019, hộ ông H làm thủ tục chuyển nhượng thửa 209 cho hộ ông Nguyễn Thanh L. Thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thửa 210 cho hộ ông H thì hộ ông H có thêm chị Kim Thị Sô Ph. Tuy nhiên, chị Ph chỉ có chung hộ khẩu sau này, không có công sức đóng góp, hiện tại không có trực tiếp quản lý, sử dụng, không có ở trên thửa 210 nên Tòa án không đưa chị Ph vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Tr và ông Nguyễn Hữu Đ cùng ông Lê Thành D phải trả lại phần đất lấn chiếm diện tích 53,5m^2 thuộc thửa 210, tờ bản đồ số 14, nằm trong diện tích 365m^2 và yêu cầu bà Tr, ông Đ và ông D di dời hàng rào lưới B40 ra khỏi phần đất tranh chấp. Căn cứ khoản 9 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án "Tranh chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất" theo quy định của pháp luật về đất đai.

[3] Về nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn:

Tại phiên tòa nguyên đơn bà Phạm Thị H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện là yêu cầu bà Nguyễn Thị Tr và ông Nguyễn Hữu Đ cùng ông Lê Thành D di dời hàng rào lưới B40, trả lại phần đất lấn chiếm diện tích 53,5m^2 thuộc thửa 210, tờ bản đồ số 14, nằm trong tổng diện tích 365m^2 cho bà. Ngoài ra, bà không yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa, bị đơn bà Nguyễn Thị Tr đồng thời bà Tr là người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Hữu Đ không đồng ý theo yêu cầu của bà H do bà không có lấn đất của bà H. Ngoài ra, bà không có yêu cầu gì khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Trần Ngọc H và anh Trần Hoàng X ủy quyền cho bà Phạm Thị H có lời trình bày: Bà thống nhất theo lời trình bày trên của bà, không có ý kiến bổ sung gì.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Thành D trình bày: Ông thống nhất theo lời trình bày trên của bà Tr, không có ý kiến bổ sung gì.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành khảo sát đo đạc đối với thửa 210, tờ bản đồ số 14, diện tích 365m^2 do hộ ông Trần Văn H đứng tên quyền sử dụng đất và thửa 36, tờ bản đồ 14, diện tích 1.035m^2 ông Nguyễn Hữu Đ và bà Nguyễn Thị Tr đứng tên quyền sử dụng đất. Ngày 04/8/2023, Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Cầu Ngang trả lời Công văn số 132/CV-KTĐC kèm theo sơ đồ khu đất thể hiện phần diện tích tranh chấp giữa bà Phạm Thị H cùng ông Nguyễn Hữu Đ và bà Nguyễn Thị Tr kí hiệu (A) diện tích 53,5m^2 thuộc thửa 36, tờ bản đồ số 14.

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất kết quả khảo sát đo đạc. Tại phiên tòa, nguyên đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn không thống nhất với kết quả khảo sát, đo đạc và cho rằng kết quả khảo sát, đo đạc không chính xác. Tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đều thống nhất với kết quả khảo sát, đo đạc, không có yêu cầu khảo sát đo đạc lại. Tại phiên tòa, nguyên đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, không cung cấp được tài liệu chứng cứ, chứng minh kết quả khảo sát, đo đạc không chính xác nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Ngày 23/6/2023, Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Cầu Ngang có ban hành Công văn số 102/CNHCN trả lời cung cấp thông tin thửa đất tranh chấp thể hiện:

Hồ sơ kê khai đăng ký cấp giấy quyền sử dụng đất của Trần Văn H như sau:

Theo tư liệu năm 1995 như sau: Thửa 208, tờ bản đồ số 14 kê khai trong sổ mục kê là Trần Văn H đứng tên (đính kèm sổ mục kê đất đai).

Năm 2005 thửa 208, tờ bản đồ số 14, diện tích 773m^2 loại đất ở + cây lâu năm , tọa lạc tại ấp Chà V, xã Vinh K, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh được Ủy ban nhân dân huyện Cầu Ngang cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu (đính kèm hồ sơ cấp giấy).

- Năm 2018 thửa 208, tờ bản đồ số 14, diện tích 773m^2 (giảm 76m^2 do mở mương thoát nước, diện tích còn lại 697m^2). Thửa 208 tách thành 02 thửa: thửa

209 tờ bản đồ số 14, diện tích 332m^2 loại đất cây lâu năm và thửa 210, tờ bản đồ 14, diện tích 365m^2 loại đất ở + cây lâu năm, đất tọa lạc tại ấp Chà V, xã Vinh K, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh (đính kèm hồ sơ tách thửa)

- Năm 2019 hộ ông Trần Văn H chuyển nhượng thửa 209, tờ bản đồ 14, diện tích 332m^2 loại đất cây lâu năm, tọa lạc tại ấp Chà Và, xã Vinh Kim, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh cho hộ ông Nguyễn Thanh L *(đính kèm hồ sơ chuyển nhượng).*

Theo tư liệu năm 1983 thửa đất số 577, diện tích 540m^2, loại đất thổ, do Phạm Thị H đứng tên trong sổ mục kê ruộng đất năm 1983 và chưa đăng ký ruộng đất (sổ 5b) năm 1983 (đính kèm theo sổ mục kê ruộng đất năm 1983).

Đối chiếu với tư liệu năm 1995 và tư liệu năm 1983 thửa 208 nằm trên thửa 577 của tư liệu năm 1983 (đính kèm theo bản đồ năm 1995 và 1983).

Hồ sơ kê khai đăng ký, cấp giấy quyền sử dụng đất đối với thửa 36, tờ bản đồ 14 như sau:

Theo tư liệu năm 1995 như sau: Đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất Nguyễn Văn T. Tờ bản đồ PL3 (III-6) (14), số thửa (36) 207, diện tích 1.035m^2, loại đất ở + cây lâu năm, tọa lạc tại ấp Chà V, xã Vinh K, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh. Thửa đất trên được Hội đồng xét duyệt thống nhất xét cấp (đính kèm theo biên bản ghi chi tiết xét duyệt). Tư liệu năm 1995 thửa 36 (sổ mục kê thửa 207) tờ bản đồ số 14, kê khai trong sổ mục kê là Nguyễn Văn T đứng tên (đính kèm sổ mục kê đất đai).

- Năm 1996 thửa 36, tờ bản đồ số PL3 (III-6), diện tích 1.035m^2 loại đất ở + cây lâu năm, tọa lạc tại ấp Chà V, xã Vinh K, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh được Ủy ban nhân dân huyện Cầu Ngang cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Nguyễn Văn T (đính kèm theo sổ ký nhận và giấy chứng nhận bản sao).

- Năm 2015 ông Nguyễn Hữu Đ nhận chuyển nhượng từ ông Nguyễn Văn T thửa 36, tờ bản đồ 14, diện tích 1.035m^2 loại đất ở + cây lâu năm, đất tọa lạc tại ấp Chà V, xã Vinh K, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh *(đính kèm hợp đồng chuyển nhượng).*

- Theo tư liệu năm 1983, thửa 578 diện tích 850m^2, loại đất thổ, do ông Nguyễn Văn D đứng tên trong sổ mục kê ruộng đất năm 1983 và chưa đăng ký sổ đăng ký ruộng đất (sổ 5b) năm 1983 (đính kèm theo sổ mục kê ruộng đất năm 1983).

- Theo tư liệu năm 1983, thửa 582 diện tích 520m^2, loại đất thổ, do ông Nguyễn Văn G đứng tên trong sổ mục kê ruộng đất năm 1983 và chưa đăng ký sổ đăng ký ruộng đất (sổ 5b) năm 1983 (đính kèm theo sổ mục kê ruộng đất năm 1983).

- Đối chiếu với tư liệu năm 1995 và tư liệu năm 1983 thửa 36 nằm trên thửa 578 và một phần thửa 582 của tư liệu năm 1983 (đính kèm theo bản đồ năm 1995 và 1983).

Xét thấy quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa các bên đương sự đều trình bày khi ông T xây dựng hàng rào (khoảng năm 2005 – 2006) thì giữa bà H

và ông T có xảy ra tranh chấp. Sự việc đã được chính quyền địa phương giải quyết và ông T đã xây dựng hàng rào. Bà H cho rằng, sau khi ông T xây dựng hàng rào xong thì có hứa với bà là khi nào hàng rào rỉ sét thì sẽ tháo dở trả đất cho bà nhưng bà H không có cung cấp giấy tờ thể hiện việc này. Theo kết quả khảo sát, đo đạc do Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Cầu Ngang cung cấp thể hiện phần diện tích đất tranh chấp kí hiệu A diện tích 53,5m^2, thuộc 36, tờ bản đồ số 14 là thửa đất của bà Nguyễn Thị Tr và ông Nguyễn Hữu Đ đứng tên quyền sử dụng đất nên bà Phạm Thị H khởi kiện yêu cầu ông Đ, bà Tr và ông D di dời hàng rào lưới B40 trả lại phần đất lấn chiếm diện tích 53,5m^2 là không có cơ sở để chấp nhận.

Từ những phân tích nêu trên, căn cứ vào các Điều 91, 92, 93, 94 và Điều 95 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Căn cứ vào các Điều 158, 164, 166, 175 và Điều 176 Bộ luật dân sự; Căn cứ vào các Điều 12, 95, 100, 166, 170 và Điều 203 của Luật đất đai năm 2013 Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị H về việc buộc bà Nguyễn Thị Tr và ông Nguyễn Hữu Đ cùng ông Lê Thành D di dời hàng rào lưới B40, trả lại phần đất diện tích kí hiệu A diện tích 53,5m^2 thuộc thửa 36, tờ bản đồ số 14, nằm trong tổng diện tích 1.035m^2, loại đất ở + cây lâu năm, đất tọa lạc ấp Chà V, xã Vinh K do ông Nguyễn Hữu Đ và bà Nguyễn Thị Tr đứng tên quyền sử dụng đất.

[4] Về chi phí tố tụng: Xét thấy bà Phạm Thị H khởi kiện tranh chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, do các bên không thỏa thuận được. Để chứng minh yêu cầu của mình là có căn cứ, bà H làm đơn yêu cầu xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản với tổng chi phí là 1.996.807 đồng. Do yêu cầu của bà Phạm H không được Hội đồng xét xử chấp nhận, căn cứ vào Điều 157 và Điều 165 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử buộc bà H phải chịu toàn bộ chi phí tố tụng là 1.996.807 đồng.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phạm Thị H là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí. Căn cứ vào các Điều 12, Điều 14 và Điều 15 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận cho bà Phạm Thị H được miễn án phí theo quy định.

Xét thấy quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích cho nguyên đơn là chưa phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Xét thấy quan điểm của Viện kiểm sát là phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 9 Điều 26, Điều 35, 39, 91, 92, 93, 94, 95, 147, 157, 165, 235, 244 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 158, 164, 166, 175 và Điều 176 Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào các Điều 12, 95, 100, 166, 170 và Điều 203 của Luật đất đai năm 2013;

Căn cứ vào các Điều 12, 14 và Điều 15 Nghị quyết 326 /2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị H về việc buộc bà Nguyễn Thị Tr và ông Nguyễn Hữu Đ cùng ông Lê Thành D di dời hàng rào lưới B40, trả lại phần đất diện tích kí hiệu A diện tích 53,5m^2 thuộc thửa 36, tờ bản đồ số 14, nằm trong tổng diện tích 1.035m^2, loại đất ở + cây lâu năm, đất tọa lạc ấp Chà V, xã Vinh K, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh do ông Nguyễn Hữu Đ và bà Nguyễn Thị Tr đứng tên quyền sử dụng đất.

(Phần diện tích kí hiệu A diện tích đất 53,5m^2, thuộc thửa 36 được thể hiện theo sơ đồ khu đất kèm theo Công văn số 132/CV-KTĐC, ngày 04/8/2023 của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh huyện Cầu Ngang).

Để đảm bảo cho việc thi hành án, khi án có hiệu lực pháp luật, các đương sự có nghĩa vụ giữ nguyên hiện trạng, không được thay đổi đất và các tài sản trên đất, dưới bất kỳ hình thức nào khi chưa được sự đồng ý của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

- Về chi phí tố tụng: Buộc bà Phạm Thị H phải chịu chi phí tố tụng với tổng số tiền 1.996.807 đồng. Bà H đã nộp đủ chi phí tố tụng.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phạm Thị H được miễn án phí theo quy định.

- Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Phương Hà

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện, tỉnh;
- Chi cục THADS huyện;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.